

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

# **Phần III:** Intranet Services

**Bài Lab 1:** Network Configuration

Bài Lab 2: DHCP

**Bài Lab 3:** Network File System(NFS)

Bài Lab 4: Samba

Bài Lab 5: NIS

Bài Lab 6: OPEN LDAP



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>



# ATHENA TRUNG TÂM ĐÀO TAO QUẨN TRỊ & AN NỊNH MANG

# TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẨN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA

2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

#### I/ Host name:

- Xem hostname hệ thống:

[root@testsrv /]# hostname
testsrv.athenna.edu.vn

Hay dùng lệnh:

[root@testsrv /]# uname -n testsrv.athenna.edu.vn

- Thay đổi hostname hệ thống

Sửa file /etc/hosts:

```
[root@mail /]# vi /etc/hosts
```

# Do not remove the following line, or various programs # that require network functionality will fail.

127.0.0.1 testserver 192.168.36.230 testserver

Nếu muốn hostname sẽ lưu lại sau khi ta khởi động lại hệ thống thì sửa file /etc/sysconfig/network:

[root@mail /]# vi /etc/sysconfig/network

NETWORKING=yes NETWORKING\_IPV6=yes HOSTNAME=testserver

Sau khi khởi động lại hệ thống và kiểm tra lại hostname:

[root@mail /]# hostname
testserver

### II/ Cấu hình IP card mạng:

- Xem thông tin cấu hình IP của card mạng:

```
[root@mail /]# ifconfig
         Link encap:Ethernet HWaddr 00:0C:29:B3:E6:F5
          inet addr:192.168.36.230 Bcast:192.168.36.255 Mask:255.255.255.0
          inet6 addr: fe80::20c:29ff:feb3:e6f5/64 Scope:Link
         UP BROADCAST RUNNING MULTICAST MTU:1500 Metric:1
         RX packets:1151 errors:0 dropped:0 overruns:0 frame:0
         TX packets:53 errors:0 dropped:0 overruns:0 carrier:0
          collisions:0 txqueuelen:1000
         RX bytes:76910 (75.1 KiB) TX bytes:8265 (8.0 KiB)
         Interrupt:185 Base address:0x1400
10
         Link encap:Local Loopback
         inet addr:127.0.0.1 Mask:255.0.0.0
         inet6 addr: ::1/128 Scope:Host
         UP LOOPBACK RUNNING MTU:16436 Metric:1
         RX packets:2291 errors:0 dropped:0 overruns:0 frame:0
         TX packets:2291 errors:0 dropped:0 overruns:0 carrier:0
          collisions:0 txqueuelen:0
         RX bytes:6224408 (5.9 MiB) TX bytes:6224408 (5.9 MiB)
```

Hay dùng lệnh *ifconfig* –a

Nếu muốn xem thông tin cấu hình từng cardmang thì:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

#### - Thay đổi địa chỉ IP:

#### Dùng lệnh:

[root@mail /]# ifconfig eth0 192.168.36.231 netmask 255.255.255.0 up

Tuy nhiên việc thay đổi bằng lệnh chỉ là tạm thời và sẽ không được lưu lại khi khởi động lại hệ thống.

#### Kiểm tra IP:

#### Restart lai service network như sau:

#### Kiệm tra lai IP:

```
[root@mail /]# ifconfig eth0
eth0    Link encap:Ethernet    HWaddr 00:0C:29:B3:E6:F5
    inet addr:192.168.36.230    Bcast:192.168.36.255    Mask:255.255.255.0
    inet6 addr: fe80::20c:29ff:feb3:e6f5/64    Scope:Link
    UP BROADCAST RUNNING MULTICAST    MTU:1500    Metric:1
    RX packets:1277 errors:0 dropped:0 overruns:0 frame:0
    TX packets:105 errors:0 dropped:0 overruns:0 carrier:0
    collisions:0 txqueuelen:1000
    RX bytes:88576 (86.5 KiB)    TX bytes:19488 (19.0 KiB)
    Interrupt:185 Base address:0x1400
```

Để có thể lưu lại việc thay đổi địa chỉ IP sau khi restart lại hệ thống, ta sửa trực tiếp file sau:

[root@mail /]# vi /etc/sysconfig/network-scripts/ifcfg-eth0



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

```
# Advanced Micro Devices [AMD] 79c970 [PCnet32 LANCE]
DEVICE=eth0
ONBOOT=yes
BOOTPROTO=none
HWADDR=00:0c:29:b3:e6:f5
NETMASK=255.255.255.0
IPADDR=192.168.36.231
GATEWAY=192.168.36.254
TYPE=Ethernet
USERCTL=no
IPV6INIT=no
PEERDNS=yes
```

#### Restart lai service network như sau:

```
[root@mail /]# service network restart
Shutting down interface eth0: [ OK ]
Shutting down loopback interface: [ OK ]
Bringing up loopback interface: [ OK ]
Bringing up interface eth0: [ OK ]
```

#### Kiểm tra lai IP:

#### - Tạo IP Alias cho card mạng:

#### Tao IP alias:

[root@mail /]# ifconfig eth0:0 192.168.36.233 netmask 255.255.255.0 up

#### Kiểm tra:

```
[root@mail /]# ifconfig eth0:0
eth0:0    Link encap:Ethernet HWaddr 00:0C:29:B3:E6:F5
    inet addr:192.168.36.233    Bcast:192.168.36.255    Mask:255.255.255.0
    UP BROADCAST RUNNING MULTICAST MTU:1500    Metric:1
    Interrupt:185    Base address:0x1400
```

#### Restart lai service network như sau:

```
[root@mail /]# service network restart

Shutting down interface eth0: [ OK ]

Shutting down loopback interface: [ OK ]

Bringing up loopback interface: [ OK ]

Bringing up interface eth0: [ OK ]
```

#### Kiểm tra lại IP:

[root@mail /]# ifconfig eth0:0

=> Không tìm thấy vì khi tạo bằng lệng ifconfig sẽ không được lưu lại khi restart service network hay khởi động lại hệ thống. Để lưu lại việc thay đổi địa chỉ IP sau khi restart lại hệ thống ta thực hiện các bước sau:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

#### Copy file *ifcfg-eth0* thành *ifcfg-eth0:0* như sau:

[root@mail /]# cp /etc/sysconfig/network-scripts/ifcfg-eth0 /etc/sysconfig/network-scripts/ifcfg-eth0:0

#### Sửa lại file ifcfg-eth0:0 như sau:

#### Restart lai service network như sau:

[root@mail /]# service network restart

Shutting down interface eth0:	]	OK	]
Shutting down loopback interface:	]	OK	]
Bringing up loopback interface:	]	OK	]
Bringing up interface eth0:	Ĭ	OK	1

#### Kiểm tra:

[root@maîl /]# ifconfig eth0:0
eth0:0 Link encap:Ethernet HWaddr 00:0C:29:B3:E6:F5
 inet addr:192.168.36.232 Bcast:192.168.36.255 Mask:255.255.255.0
 UP BROADCAST RUNNING MULTICAST MTU:1500 Metric:1
 Interrupt:185 Base address:0x1400

#### III/ Lệnh route:

- Xem routing table:

[root@mail /]#	route -n						
Kernel IP routi	ng table						
Destination	Gateway	Genmask	Flags	Metric	Ref	Use	Iface
192.168.36.0	0.0.0.0	255.255.255.0	U	Θ	Θ	Θ	eth0
169.254.0.0	0.0.0.0	255.255.0.0	U	Θ	Θ	Θ	eth0
0.0.0.0	192.168.36.254	0.0.0.0	UG	0	0	0	eth0

#### - Set default gateway cho từng ethernet device:

[root@mail /]# route add -net 192.168.36.0 netmask 255.255.255.0 gw 192.168.3 6.1

#### - Kiểm tra lại routing table:

[root@mail /]# route -n									
Kernel IP routing table									
Destination	Gateway	Genmask	Flags	Metric	Ref	Use	Iface		
192.168.36.0	192.168.36.1	255.255.255.0	UG	0	Θ	Θ	eth0		
192.168.36.0	0.0.0.0	255.255.255.0	U	0	Θ	Θ	eth0		
169.254.0.0	0.0.0.0	255.255.0.0	U	Θ	Θ	Θ	eth0		
0.0.0.0	192.168.36.254	0.0.0.0	UG	0	Θ	Θ	eth0		



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

#### - Thêm default gateway:

[root@mail /]# route add default gw 192.168.36.1

#### - Kiểm tra lại routing table:

[root@mail /]#	route -n						
Kernel IP routi	ng table						
Destination	Gateway	Genmask	Flags	Metric	Ref	Use	Iface
192.168.36.0	192.168.36.254	255.255.255.0	UG	0	0	Θ	eth0
192.168.36.0	0.0.0.0	255.255.255.0	U	0	0	Θ	eth0
169.254.0.0	0.0.0.0	255.255.0.0	U	0	0	Θ	eth0
0.0.0.0	192.168.36.1	0.0.0.0	UG	0	0	Θ	eth0
0.0.0.0	192.168.36.254	0.0.0.0	UG	Θ	0	Θ	eth0

#### - Xoá default route:

[root@mail /]# route del default gw 192.168.36.1

### - Kiểm tra lại routing table:

[root@mail /]#	route -n						
Kernel IP routin	ng table						
Destination	Gateway	Genmask	Flags	Metric	Ref	Use	Iface
192.168.36.0	192.168.36.254	255.255.255.0	UG	0	Θ	Θ	eth0
192.168.36.0	0.0.0.0	255.255.255.0	U	0	Θ	0	eth0
169.254.0.0	0.0.0.0	255.255.0.0	U	0	0	0	eth0
0.0.0.0	192.168.36.254	0.0.0.0	UG	0	0	0	eth0

### - Xoá một đường đi trong bảng định tuyến:

[root@mail /]# route del -net 192.168.36.0 netmask 255.255.255.0 gw 192.168.3
6.254 eth0

# - Kiểm tra lại routing table:

[100 c@maic /]#	route -II						
Kernel IP rout	ing table						
Destination	Gateway	Genmask	Flags	Metric	Ref	Use	Iface
192.168.36.0	0.0.0.0	255.255.255.0	U	Θ	0	Θ	eth0
169.254.0.0	0.0.0.0	255.255.0.0	U	Θ	0	Θ	eth0
0.0.0.0	192.168.36.254	0.0.0.0	UG	0	0	0	eth0

#### IV/ Lệnh netstat:

#### - Xem routing table:

[root@mail /]#	netstat -nr							
Kernel IP routing table								
Destination	Gateway	Genmask	Flags	MSS Window	irtt Ifac			
e								
192.168.36.0	0.0.0.0	255.255.255.0	U	Θ Θ	0 eth0			
169.254.0.0	0.0.0.0	255.255.0.0	U	0 0	0 eth0			
0.0.0.0	192.168.36.254	0.0.0.0	UG	Θ Θ	0 eth0			

- Kiểm tra các port đang được mở:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

[root@ma			t -an ctions (servers	and established)	
			ocal Address	Foreign Address	S
tcp ISTEN	Θ	0 1	27.0.0.1:2208	0.0.0.0:*	L
tcp	Θ	0 0	.0.0.0:964	0.0.0.0:*	L
ISTEN tcp	Θ	0 0	.0.0.0:111	0.0.0.0:*	L
ISTEN tcp	Θ	0 1	27.0.0.1:631	0.0.0.0:*	L
ISTEN tcp	Θ	0 1	27.0.0.1:2207	0.0.0.0:*	L
-					

# V/ Các lệnh khác:

- Lệnh tracert: Kiểm tra kết nối đến một remote host

[root@mail /]# tracert www.yahoo.com

traceroute to www.yahoo.com (209.131.36.158), 30 hops max, 40 byte packets

- 1 192.168.36.254 (192.168.36.254) 1.945 ms 2.682 ms 3.566 ms
- 2 192.168.62.25 (192.168.62.25) 0.905 ms 0.360 ms 1.723 ms
- 3 203.113.188.252 (203.113.188.252) 2.919 ms 3.013 ms 2.904 ms
- 4 203.113.158.28 (203.113.158.28) 96.256 ms 96.033 ms \*
- 5 203.113.158.42 (203.113.158.42) 3.349 ms 3.050 ms 2.938 ms

......

- Lệnh tcpdump: Capture các packets

[root@testserver ~]# tcpdump -n icmp -i eth0
tcpdump: verbose output suppressed, use -v or -vv for full protocol decode
listening on eth0, link-type EN10MB (Ethernet), capture size 96 bytes
10:04:54.650526 IP 192.168.36.2 > 192.168.36.231: ICMP echo request, id 1024
, seq 30720, length 40
10:04:54.651148 IP 192.168.36.231 > 192.168.36.2: ICMP echo reply, id 1024,
seq 30720, length 40
10:04:55.316892 IP 192.168.36.2 > 192.168.36.231: ICMP echo request, id 1024
, seq 30976, length 40
10:04:55.317274 IP 192.168.36.231 > 192.168.36.2: ICMP echo reply, id 1024,
seq 30976, length 40

#### VI/ Tập tin /etc/services:

Khi xinetd được khởi tạo nó sẻ truy cập đến tập tin /etc/services để tìm cổng tương ứng với từng dịch vụ.

- Quan sát tập tin /etc/services như sau:

[root@mail /]# vi /etc/services



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

tcpmux	1/tcp		# -	TCP port	service	multiplexer
tcpmux	1/udp		# -	TCP port	service	multiplexer
rje	5/tcp		# F	Remote J	ob Entry	
rje	5/udp		# F	Remote J	ob Entry	
echo	7/tcp					
echo	7/udp					
discard	9/tcp	sink null				
discard	9/udp	sink null				
systat	11/tcp	users				
systat	11/udp	users				
daytime	13/tcp					
daytime	13/udp					
qotd	17/tcp	quote				
qotd	17/udp	quote				
msp	18/tcp		# [	message	send pro	tocol
msp	18/udp		# [	message	send pro	tocol
chargen	19/tcp	ttytst source		_	-	
chargen	19/udp	ttytst source				
-		-				

Cấu trúc tập tin /etc/services gồm có 4 cột:

Côt 1: tên dịch vu Cột 2: port/giao thức

Cột 3: aliases (danh sách những tên gọi khác của dịch vụ)

Côt 4: chú thích

#### VI/ Tâp tin /etc/resolv.conf:

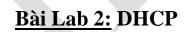
Khai báo cấu hình DNS client

[root@testsrv /]# vi /etc/resolve search athena.edu.vn nameserver 203.113.188.1 nameserver 203.113.131.1

search: danh sách các domains cho việc lookup các host-name, mặc dịnh khai báo local domain. (tối đa được khai báo 6 domains và tổng số ký tự là 256 ký tự)

nameserver: chỉ đinh các DNS servers

# TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA 2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 www.athena.edu.vn





2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

#### I/ Cài đặt DHCP:

DHCP là dịch vụ cấp phát IP động cho các máy trạm.

- Kiểm tra DHCP đã được cài đặt hay chưa:

```
[root@testsrv /]# rpm -qa | grep dhcp
dhcpv6_client-0.10-33.el5
```

- Cài đặt (nếu chưa được cài đặt):

- Kiểm tra DHCP đã được cài đặt trên hệ thống:

```
[root@testsrv /]# rpm -qa | grep dhcp
dhcpv6_client-0.10-33.el5
dhcp-3.0.5-7.el5
dhcp-devel-3.0.5-7.el5
```

#### II/ Cấu hình dhợp server:

file dùng để cấu hình dhep server là /etc/dhepd.conf

- Sửa file cấu hình /etc/dhcpd.conf như sau:

[root@testsrv /]# vi /etc/dhcpd.conf



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

```
ddns-update-style interim;
ignore client-updates;
subnet 192.168.36.0 netmask 255.255.255.0 {
# --- default gateway
        option routers
                                          192.168.36.254;
        option subnet-mask
                                          255.255.255.0;
                                         "athena.edu.vn":
        option nis-domain
                                         "athena.edu.vn";
        option domain-name
        option domain-name-servers
                                          192.168.36.1;
        option time-offset
                                          -18000; # Eastern Standard Time
        option ntp-servers
                                          192.168.1.1;
        option netbios-name-servers
                                          192.168.1.1;

    Selects point-to-point node (default is hybrid). Don't change this unless

 -- you understand Netbios very well
        option netbios-node-type 2;
        range dynamic-bootp 192.168.36.233 192.168.36.240;
        default-lease-time 21600;
        max-lease-time 43200;
        # we want the nameserver to appear at a fixed address
        host ns {
                next-server marvin.redhat.com;
                hardware ethernet 12:34:56:78:AB:CD;
                         fixed-address 207.175.42.254;
      }
      Ý nghĩa một số options:
                                           Không cho phép DHCP cập
            ddns-update-style interim
                                           nhât đông DNS
            ignore client-updates
            subnet .... netmask
                                      : Subnet và netmask
            option routers
                                      : Default gateway
                                      : Netmask cấp cho client
            option subnet-mask
            option nis-domain
                                      : NIS domain
            option domain-name
                                      : Domain mame
            option domain-name-servers : IP DNS server
```

Biên soạn: Nguyễn Trí Thức – Lưu Hành Nội Bộ

range dynamic-bootp default-lease-time

max-lease-time

host ns

: Vùng địa chỉ cấp phát cho các clients

: Thời gian tối đa cấp IP cho một client: Khái báo những máy luôn nhận IP cố định

: Thời gian mặc đinh cấp IP cho một client



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

- Start dhcp daemon:

```
[root@testsrv /]# service dhcpd start
Starting dhcpd:
```

[ OK ]

#### III/ Cấu hình DHCP client:

- Sửa file cấu hình card mạng:

```
[root@testsrv /]# vi /etc/sysconfig/network-scripts/ifcfg-eth0
# Advanced Micro Devices [AMD] 79c970 [PCnet32 LANCE]
DEVICE=eth0
ONBOOT=yes
BOOTPROTO=dhcp
HWADDR=00:0c:29:7d:7d:b9
TYPE=Ethernet
USERCTL=no
IPV6INIT=no
PEERDNS=ves
```

- Restart service network:

```
[root@testsrv /]# service network restart

Shutting down interface eth0: [ OK ]

Shutting down loopback interface: [ OK ]

Bringing up loopback interface: [ OK ]

Bringing up interface eth0:

Determining IP information for eth0... done.

[ OK ]
```

- Kiểm tra lai địa chỉ IP:

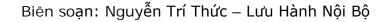


2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

#### IV/ Theo dõi tình hình cấp phát DHCP trên Server:

```
[root@testsrv /]# cat /var/lib/dhcpd/dhcpd.leases
# All times in this file are in UTC (GMT), not your local timezone.
# not a bug, so please don't ask about it. There is no portable way to
# store leases in the local timezone, so please don't request this as a
# feature. If this is inconvenient or confusing to you, we sincerely
# apologize. Seriously, though - don't ask.
# The format of this file is documented in the dhcpd.leases(5) manual page.
# This lease file was written by isc-dhcp-V3.0.5-RedHat
lease 192.168.36.240 {
  starts 1 2008/02/04 23:39:12;
  ends 2 2008/02/05 05:39:12;
 binding state active;
 next binding state free;
 hardware ethernet 00:0c:29:7d:7d:b9;
lease 192.168.36.240 {
  starts 1 2008/02/04 23:40:15;
  ends 2 2008/02/05 05:40:15;
 binding state active;
 next binding state free;
 hardware ethernet 00:0c:29:7d:7d:b9;
}
```





# TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA 2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>



# ATHENA TRUNG TÂM ĐÀO TAO QUÁN TRỊ & AN NINH MANG

# TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA

2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

#### I/ Cài đặt NFS:

NFS là dịch vụ hỗ trợ cơ chế chia sẻ tài nguyên giữa các máy chủ Linux.

- Kiểm tra NFS đã được cài đặt hay chưa:

```
[root@testsrv /]# rpm -qa | grep nfs
```

- Cài đặt (nếu chưa được cài đặt):

- Kiểm tra NFS đã được cài đặt trên hệ thống:

```
[root@testsrv /]# rpm -qa | grep nfs
nfs-utils-lib-1.0.8-7.2
nfs-utils-1.0.9-16.el5
```

Ngoài ra NFS còn đỏi hỏi phải có một Daemon quan trọng dùng để quản lý các kết nối đó là Portmap. Mặc định portmap được cài đặt sắn trên hệ thống. Portmap listen trên TCP port 111.

- Kiểm tra portmap đã được cài đặt trên hệ thống:

```
[root@testsrv /]# rpm -qa | grep portmap'
portmap-4.0-65.2.2.1
```

- Stop portmap daemon:

```
[root@testsrv /]# service portmap stop
Stopping portmap: [ OK ]
```

- Start portmap daemon:

```
[root@testsrv /]# service portmap start
Starting portmap: [ OK ]
```

- Kiểm tra portmap daemon:

# II/ Cấu hình NFS server: file dùng để cấu hình NFS là /etc/exports

- Tạo một thư mục chia sẻ như sau:

```
[root@testsrv /]# mkdir /share
```

- Tao môt file trong thu muc /share:

```
[root@testsrv /]# touch /share/test.txt
```

- Cấp quyền truy cập vào thư mục /share:

```
[root@testsrv /]# chmod 766 -R /share/
```

- Sửa file /etc/exports thêm vào dòng sau:

```
[root@testsrv /]# vi /etc/exports
/share 192.168.36.0/24(rw,sync)

Thur muc share Dãy địa chỉ có thể truy cập Quyền truy cập
```

# ATHENA TRUNG TÂM ĐÀO TAO QUẨN TRỊ & AN NINH MANG

# TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA

2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

Gồm có các quyền truy cập thông dụng như sau:

secure : Port từ client requests phải nhỏ hơn 1024

ro : Read only rw : Read – write noaccess : Denied access

root\_squash : Ngăn remote root users no\_root\_squash : Cho phép remote root users

- Restart daemon nfs:

```
[root@testsrv /]# service nfs restart

Shutting down NFS mountd: [ OK ]

Shutting down NFS daemon: [ OK ]

Shutting down NFS quotas: [ OK ]

Shutting down NFS services: [ OK ]

Starting NFS services: [ OK ]

Starting NFS quotas: [ OK ]

Starting NFS daemon: [ OK ]

Starting NFS mountd: [ OK ]
```

Lưu ý: sau khi thay đổi file /etc/exports bạn phải restart daemon nfs hay dùng các lệnh sau:

exportfs –a : Reload lại toàn bộ cấu hình cho NFS

exportfs –r : Reload lại những thay đổi trong cấu hình cho NFS

- Do NFS cần mở một số port khi chạy như (111, 2049..) nên ta cần cấu hình firewall mở các port này hay tắt firewall:

```
[root@testsrv /]# service iptables stop
Flushing firewall rules: [ OK ]
Setting chains to policy ACCEPT: filter [ OK ]
Unloading iptables modules: [ OK ]
```

# III/ Cấu hình NFS client:

#### 1/ Cấu hình truy cập bằng tay:

- Tao thu muc:

[root@testsrv /]# mkdir /mnt/nfs

- Mount NFS file:

```
[root@testsrv /]# mount -t nfs 192.168.36.230:/share /mnt/nfs/
IP NFS Thur muc Share Mount trên NFS Server point
```

- Kiểm tra các mount point trên hệ thống:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

```
[root@mail /]# mount
      /dev/sda5 on / type ext3 (rw)
      proc on /proc type proc (rw)
      sysfs on /sys type sysfs (rw)
      devpts on /dev/pts type devpts (rw,gid=5,mode=620)
      /dev/sdal on /boot type ext3 (rw)
      /dev/sda3 on /data type ext3 (rw)
      tmpfs on /dev/shm type tmpfs (rw)
      none on /proc/sys/fs/binfmt_misc type binfmt_misc (rw)
      sunrpc on /var/lib/nfs/rpc_pipefs type rpc_pipefs (rw)
      nfsd on /proc/fs/nfsd type nfsd (rw)
      192.168.36.230:/share on /mnt/nfs type nfs (rw,addr=192.168.36.230)
- Kiểm tra:
      [root@testsrv /]# ls -l /mnt/nfs/
      total 4
      -rw-r--r-- 1 root root 0 Feb 4 09:41 test.txt
```

#### 2/ Cấu hình truy cập trong file /etc/fstab:

- Sửa file /etc/fstab như sau:

[root@testsrv /]# vi /etc/fstab

LABEL=SWAP-sda2 swap defaults swap 192.168.36.230:/share /mnt/nfs defaults LABEL=SWAP-sda2 swap swap defaults 0 0 192.168.36.230:/share /mnt/nfs nfs soft,nfsvers=2 0 0

- Reboot lại hệ thống: init 6

# IV/ Allow/Deny một kết nối đến NFS server:

Sử dụng file /etc/hosts.allow và /etc/hosts.deny để permit kết nối đến NFS server

- Cầm tất cả các clients truy cập vào NFS server

```
[root@mail /]# vi /etc/hosts.deny
```

```
# hosts.deny This file describes the names of the hosts which are
# *not* allowed to use the local INET services, as decided
# by the '/usr/sbin/tcpd' server.
#
# The portmap line is redundant, but it is left to remind you that
# the new secure portmap uses hosts.deny and hosts.allow. In particular
# you should know that NFS uses portmap!
portmap: ALL
```

- Cho phép server có ip 192.168.36.233 truy cập đến NFS server:

```
[root@mail /]# vi /etc/hosts.allow
    #
    # hosts.allow    This file describes the names of the hosts which are
    # allowed to use the local INET services, as decided
    by the '/usr/sbin/tcpd' server.
    #
    portmap: 192.168.36.233
```

- Sang máy 192.168.36.233 truy cập đến NFS server:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

[root@testsrv /]# mount -t nfs 192.168.36.230:/share /mnt/nfs => thành công !

- Sang máy khác 192.168.36.233 truy cập đến NFS server

[root@testsrv /]# mount -t nfs 192.168.36.230:/share /mnt/nfs
mount: mount to NFS server '192.168.36.230' failed: RPC Error: Program not registered.
=> không thành công !

### V/ Kiểm tra hoạt động của NFS server:

- Thông kê sử dụng NFS:

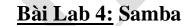
```
[root@mail /]# nfsstat
Server rpc stats:
calls
        badcalls
                 badauth
                          badclnt
                                   xdrcall
12
                 Θ
                          Θ
                                   Θ
Server nfs v3:
          getattr
                                                   readlink
null
                   setattr
                             lookup
                                         access
      20% 3
                                                10% 0
2
                 30% 0
                            0% 0
                                      0% 1
                                                           0%
                            mkdir
                 create
                                      symlink
                                                   mknod
read
       write
                  0% 0
                            0% 0
Θ
       0% 0
                                                 0% 0
                                                           0%
                 rename
                            link
remove
       rmdir
                                      readdir
                                                 readdirplus
       0% 0
                  0% 0
                            0% 0
                                      0% 0
                                                 0% 1
fsstat
       fsinfo
                 pathconf
                           commit
       0% 3
                 30% 0
                            0% 0
                                      0%
Client rpc stats:
calls
        retrans
                 authrefrsh
```

<u>Lưu ý:</u> sử dụng lệnh **man nfsstat** để xem thêm các option của lênh nfsstat.

- Liệt kê danh sách các portmapper đã đăng ký trên host

[root@mail /]# rpcinfo -p localhost program vers proto port 100000 2 tcp 111 portmapper 100000 udp 111 portmapper 2 100024 udp 971 status 100024 1 tcp 974 status 100011 757 rquotad udp 100011 udp 757 rquotad 1 100011 760 rquotad tcp 2 100011 tcp 760 rquotad 100003 udp 2049 100003 3 udp 2049 nfs 100003 udp 2049 nfs 100003 tcp 2049 nfs 100003 tcp 2049 nfs 100003 tcp 2049 nfs

# TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA 2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 www.athena.edu.vn



# ATHENA TRUNG TÂM ĐÀO TAO QUẨN TRỊ & AN NINH MANG

# TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA

2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

#### I/ Cài đặt samba:

Là dịch vụ hỗ trợ chia sẻ tài nguyên từ hệ thống Linux với các hệ thống khác như Linux, Windows.

- Kiểm tra samba đã được cài đặt hay chưa:

```
[root@testsrv /l# rpm -ga | grep samba
```

- Cài đặt (nếu chưa được cài đặt):

```
[root@testsrv /]# rpm -ivh samba-common-3.0.25b-1.el5_1.4.i386.rpm
                ########### [100%]
Preparing...
 1:samba-common
                ############ [100%]
[root@testsrv /]# rpm -ivh samba-client-3.0.25b-1.el5 1.4.i386.rpm
            Preparing...
                ########### [100%]
 1:samba-client
[root@testsrv /]# rpm -ivh samba-3.0.25b-1.el5_1.4.i386.rpm
                 ########### [100%]
Preparing...
                 ############ [100%]
[root@testsrv /]# rpm -ivh system-config-samba-1.2.39-1.el5.noarch.rpm
              ########## [100%]
 l:system-config-samba ####################### [100%]
```

- Kiểm tra samba đã được cài đặt trên hệ thống:

```
[root@testsrv /]# rpm -qa | grep samba
samba-client-3.0.25b-1.el5_1.4
samba-common-3.0.25b-1.el5_1.4
samba-3.0.25b-1.el5_1.4
system-config-samba-1.2.39-1.el5
```

#### II/ Cấu hình samba server:

- Tạo một thư mục chia sẻ như sau:

```
[root@testsrv /]# mkdir /share
```

- Tạo một file trong thư mục /share:

```
[root@testsrv /]# touch /share/test.txt
```

- Cấp quyền truy cập vào thư mục /share:

```
[root@testsrv /]# chmod 777 -R /share/
```

- Sửa file /etc/samba/smb.conf sửa các dòng sau:

[root@testsrv /]# vi /etc/samba/smb.conf

```
hosts allow = 192.168.36. Dãy IP được phép truy cập

security = user
passdb backend = smbpasswd Mã hoá password

[share]
comment = Share Folder
path = /share
public = yes
writable = yes
printable = no
```

- Tao SELinux label cho thu muc share:

```
[root@testsrv /]# chcon -t samba_share_t /share
```



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

- Kiểm tra lại:

- Tao user truy câp

[root@testsrv /]# useradd test
[root@testsrv /]# passwd test
Changing password for user test.
New UNIX password:
BAD PASSWORD: it is too short
Retype new UNIX password:

passwd: all authentication tokens updated successfully.

- Mã hoá password:

Tạo tập tin mật khẩu riêng cho samba từ tập tin /etc/passwd
[root@testsrv /]# cat /etc/passwd | mksmbpasswd.sh > /etc/samba/smbpasswd

Cấp quyền chỉ đọc và ghi cho user root

[root@testsrv /]# chmod 600 /etc/samba/smbpasswd

Tạo mật khẩu cho người dùng samba

[root@testsrv /]# smbpasswd test
New SMB password:
Retype new SMB password:

- Start daemon smb:

[root@testsrv /]# service smb start
Starting SMB services:
Starting NMB services:

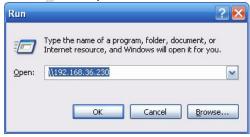
- Do samba cần mở một số port khi chạy như (139,445,..) nên ta cần cấu hình firewall mở các port này hay tắt firewall:

```
[root@testsrv /]# service iptables stop
Flushing firewall rules: [ OK ]
Setting chains to policy ACCEPT: filter [ OK ]
Unloading iptables modules: [ OK ]
```

# III/ Cấu hình samba client:

1/ Trên Windows:

Vào Start menu -> chọn Run

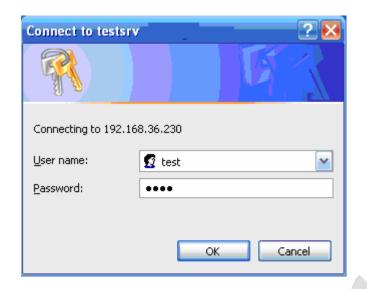


Nhập vào địa chỉ của samba server  $\Rightarrow$  Chọn OK

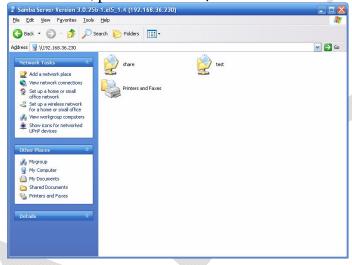


2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn



Nhập vào user name, password  $\Rightarrow$  Chọn OK



#### 2/ Trên Linux:

- Tao thir muc

[root@testsrv /]# mkdir /mnt/samba

- Mount NFS file:

[root@testsrv /]# mount -o username=test,password=test //192.168.36.230/share /mnt/samba

IP SMB Thur muc Share Mount point point

- Kiểm tra:

[root@testsrv /]# ls -l /mnt/samba/
total 8
drwxr-xr-x 2 usera usera 0 Feb 4 14:57 New Folder
-rwxr--r-- 1 usera usera 7 Feb 4 14:58 New Text Document.txt

Chú ý: Có thể sửa file /etc/fstab để cho phép tự động mount khi reboot lại hệ thống.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

#### IV/ Dùng Samba Swat:

Swat là một công cụ cho phép bạn có thể cấu hình SAMBA qua giao diện Web.

```
1/ Cài đặt:
```

#### 2/ Cầu hình:

- Sửa file cầu hình /etc/xinetd.d/swat như sau:

```
[root@testsrv /]# vi /etc/xinetd.d/swat
       # default: off
       # description: SWAT is the Samba Web Admin Tool. Use swat \
                     to configure your Samba server. To use SWAT, \
       #
                     connect to port 901 with your favorite web browser.
      service swat
       {
                              = 901
              port
              socket_type
                              = stream
              wait
              only_from
                              = 127.0.0.1
              user
                              = root
              server
                              = /usr/sbin/swat
              log_on_failure += USERID
              disable
                              = no
      }
```

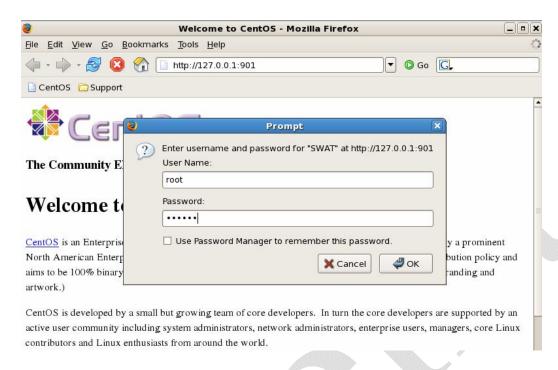
- Restart lai service xinetd:

- Mở trình duyệt Mozilla Firefox và nhập vào địa chỉ sau để cấu hình samba-swat:



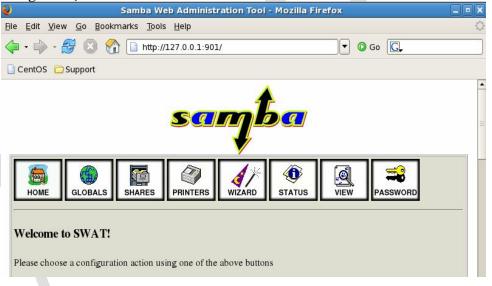
2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

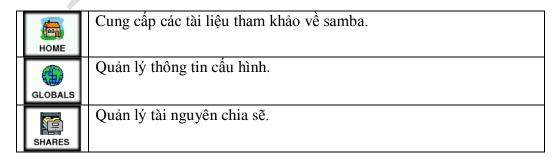


Nhập vào user *root* và password => chọn *Ok* 

- Màn hình giao diện samba-swat:



- Các thành phần cấu hình samba-swat:



# ATHENA TRUNG TÂM ĐÀO TAO QUẨN TRI & AN NINH MANG

# TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA

2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

PRINTERS	Quản lý việc chia sẽ mày in.
WIZARD	Quản lý Server type, Wins và một số tham số khác.
STATUS	Theo dõi trại thái của samba.
VIEW	Xem thông tin cấu hình trong file /etc/samba/smb.conf.
PASSWORD	Quản lý mật khẩu

- Tao môt thư mục share:

[root@testsrv /]# mkdir /share\_swat

- Cấp quyền cho thư mục /share swat

[root@testsrv /]# chmod -R 777 /share swat/

- Tao SELinux label cho thu muc share:

[root@testsrv /]# chcon -t samba\_share\_t /share\_swat/

- Click vào GLOBALS: thay đổi các thông số sau:

security: USER encript passwords: yes

hosts allow: 192.168.36.

- Click vào SHARES: thay đổi các thông số sau:

Nhập vào tên thư mục share: share swat => click vào nút *Create Share* 

Create Share | share\_swat

Nhập vào

path: /share\_swat

read only: no (yes: nếu muốn chỉ đoc)

Click vào nút Commit Changes

- Click vào VIEW để xem lại thông tin cấu hình
- Click vào STATUS => chọn Restart All

# 3/ Truy xuất:

- Tạo thư mục:

[root@testsrv /]# mkdir /mnt/samba

- Mount NFS file:

[root@testsrv /]# mount -o username=test,password=test //192.168.36.230/share /mnt/samba



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

#### - Kiểm tra:

```
[root@testsrv /]# ls -l /mnt/samba/
total 8
drwxr-xr-x 2 usera usera 0 Feb  4 14:57 New Folder
-rwxr--r-- 1 usera usera 7 Feb  4 14:58 New Text Document.txt
```





2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

# **SamBa-Active Directory**

#### 1/ Môi trường:

- Một server Win 2003 là Active Directory
- Domain: **SAMPLE.ORG**
- Những user có trên domain: user01, user02

#### 2/ Cấu hình samba:

- Sửa file /etc/krb5.conf, có nội dung sau:

```
libdefaultsl
default realm = SAMPLE.ORG
dns_lookup_realm = false
dns lookup kdc = false
ticket_lifetime = 24h
forwardable = yes
realms]
EXAMPLE.COM = {
kdc = kerberos.example.com:88
 admin_server = kerberos.example.com:749
 default domain = example.com
SAMPLE.ORG = {
 kdc = testserver.sample.org:88
 admin_server = testserver.sample.org:749
 default_domain = sample.org
[domain_realm]
.example.com = EXAMPLE.COM
example.com = EXAMPLE.COM
.sample.org = sample.org
sample.org = sample.org
```

- Sửa file /etc/samba/smb.conf có nội dùng sau:

```
workgroup = SAMPLE
security = ads
realm = sample.org
    encrypt passwords = yes
    idmap uid = 10000 - 20000
    idmap gid = 10000 - 20000
    enhanced browsing = no
    winbind use default domain = yes
```

Join samba server vào domain:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

```
[root@testsrv ~]# net ads join -U administrator@SAMPLE.ORG
administrator@SAMPLE.ORG's password:
Using short domain name -- SAMPLE
Joined 'TESTSRV' to realm 'SAMPLE.ORG'
```

- Sau khi join, giả sửa muốn ưa samba server ra khỏi domain, dùng lệnh sau:

[root@testsrv ~]# net ads leave -U administrator@SAMPLE.ORG
administrator@SAMPLE.ORG's password:
Disabled account for 'TESTSRV' in realm 'SAMPLE.ORG'

#### Chú ý: samba server và domain controller phải cùng giờ.

- Sửa lại file /etc/nsswitch.conf, nội dung như sau:

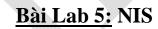
		All and a second a
passwd:	files	winbind
shadow:	files	
group:	files	winbind

- Start server winbind, restart service smb
- Test thử quá trình join domain đúng hay chưa, bằng cách liệt kê các user của domain

[root@testsrv ~]# wbinfo -u SAMPLE\administrator SAMPLE\guest SAMPLE\support\_388945a0 SAMPLE\krbtgt SAMPLE\user01 SAMPLE\user02

- Hoàn tất quá trình, test.

# TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA 2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 www.athena.edu.vn



# ATHENA TRUNG TÂM ĐÀO TAO QUẨN TRI & AN NINH MANG

# TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA

2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

#### I/ Cài đặt NIS:

- Kiểm tra gói ypserv\*.rpm đã được cài đặt chưa. Nếu chưa, tiến hành cài đặt như sau:

#### II/ Khởi tạo NIS server:

- Xem NIS domain hiện tại của server, cấu hình NIS domain cho server:

```
[root@centos-1 setup]# domainname
(none)
[root@centos-1 setup]# domainname nis.example.org
[root@centos-1 setup]# domainname
nis.example.org
```

- Hoặc thêm dòng sau vào file /etc/sysconfig/network:

```
NISDOMAIN=nis.example.org
```

- Chỉnh sửa file /var/yp/Makefile để bắt đầu khởi tạo những thông tin mà NIS sẽ phục vụ cho domain:

```
Đưa thông tin
# Should we merge the passwd file with the shadow file ?
                                                               pass shadow vào
# MERGE PASSWD=true|false
                                                               file /etc/passwd
MERGE_PASSWD=true -
                                                               trên NIS server
# Should we merge the group file with the gshadow file ?
                                                               Những thông tin
# MERGE GROUP=true|false
                                         Dua thông tin
                                                               này sẽ được
MERGE GROUP=true
                                          group vào file
                                                               chia sẻ qua NIS
                                          /etc/passwd trên
                                          NIS server
all: passwd group hosts rpc services netid protocols mail \
        # netgrp shadow publickey networks ethers bootparams printcap \
        # amd.home auto.master auto.home auto.local passwd.adjunct \
        # timezone locale netmasks
```

Khởi tao NIS server:

```
[root@centos-1 ~]# /usr/lib/yp/ypinit -m
At this point, we have to construct a list of the hosts which will run NIS
servers. centos-1 is in the list of NIS server hosts. Please continue to add
the names for the other hosts, one per line. When you are done with the
list, type a <control D>.
       next host to add: centos-1
       next host to add:
The current list of NIS servers looks like this:
centos-1
Is this correct? [y/n: y] y
......
var/yp/nis.example.org'
centos-1 has been set up as a NIS master server.
Now you can run ypinit -s centos-1 on all slave server.
[root@centos-1 ~]# service portmap start
Starting portmap:
                                                        [ OK ]
[root@centos-1 ~]# service ypserv start
Starting YP server services:
                                                        [ OK ]
```



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

### III/ Cấu hình NIS client:

- Chỉnh sửa file /etc/yp.conf:

domain nis.example.org broadcast

- Start tiến trình ypbind:

```
[root@centos-1 ~]# /etc/init.d/ypbind start
Binding to the NIS domain: [ OK ]
Listening for an NIS domain server..
```

- Sử dụng lệnh ypwhich để kiểm tra NIS server nào đang phục vụ những request NIS:

```
[root@centos-1 ~]# ypwhich
192.168.1.11
```

- Lệnh ypcat để liệt kê thông tin một bảng map trên NIS server:

```
[root@centos-1 ~]# ypcat passwd
userd:!!:500:500::/var/home/userd:/bin/bash
userf:!!:502:502::/var/home/userf:/bin/bash
usere:!!:501:501::/var/home/usere:/bin/bash
```

- Cấu hình trong file /etc/nsswitch.conf để hệ thống biết cần tìm kiếm thông tin ở đâu:

passwd: files nis ldap shadow: files nis ldap group: files nis ldap

- Hoặc chỉnh sửa bằng màn hình đồ họa:





2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn





- Dùng một máy tính khác, login bằng user chỉ có trên NIS server (không tồn tại ở máy cục bộ), để kiểm tra hoạt động sử dụng NIS chứng thực:
- Khi thay đổi thông tin thông tin trên một bản map của NIS server, chẳng hạn thêm một user test vào file /etc/passwd:

[root@centos-1 ~]# useradd test



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

- Update lại thông tin trên NIS server như sau:

```
[root@centos-1 ~]# cd /var/yp/
[root@centos-1 yp]# make
gmake[1]: Entering directory `/var/yp/nis.example.org'
Updating passwd.byname...
Updating passwd.byuid...
Updating group.byname...
Updating group.bygid...
Updating netid.byname...
gmake[1]: Leaving directory `/var/yp/nis.example.org'
```

- Tại NIS client, xem lại bản map:

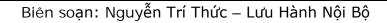
```
[root@centos-1 yp]# ypcat passwd
userd:!!:500:500::/var/home/userd:/bin/bash
test:!!:503:503::/var/home/test:/bin/bash
userf:!!:502:502::/var/home/userf:/bin/bash
usere:!!:501:501::/var/home/usere:/bin/bash
```

- Xóa thông tin của user test trên local:

```
[root@centos-1 yp]# userdel test
```

- Thử switch qua user test, kết quả vẫn switch được bình thường, vì lúc này thông tin đã được tìm kiếm trên NIS

```
[root@centos-1 yp]# su test
bash-3.1$ exit
```



# TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA 2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 www.athena.edu.vn



# ATHENA TRUNG TÂM ĐÀO TAO QUẨN TRỊ & AN NINH MANG

# TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA

2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

#### I/ Cài đặt openIdap:

Kiểm tra gói openIdap đã được cài đặt hay chưa:
 [root@centos-1 ~]# rpm -qa openIdap\*
 openIdap-2.3.27-5

- Nếu còn thiếu, tiến hành cài đặt đủ các gói openIdap như sau:

#### II/ Test hoat đông của openIdap:

- Xem file /etc/openldap/slapd.conf với những option mặc định:

```
# See slapd.conf(5) for details on configuration options.
                                                             Schema được
# This file should NOT be world readable.
                                                             định nghĩa
                /etc/openldap/schema/core.schema
include
                                                             sẵn.
                /etc/openldap/schema/cosine.schema
include
include
                /etc/openldap/schema/inetorgperson.schema
include
                /etc/openldap/schema/nis.schema
# Allow LDAPv2 client connections. This is NOT the default.
allow bind v2
# Do not enable referrals until AFTER you have a working directory
# service AND an understanding of referrals.
               ldap://root.openldap.org
                /var/run/openldap/slapd.pid
pidfile
argsfile
                /var/run/openldap/slapd.args
                                                    Ldap server
```

phuc vu cho

- Sửa những dòng sau trong file /etc/openldap/slapd.conf:

```
domain nào.

database bdb

suffix "dc=example,dc=org"
rootdn "cn=Manager,dc=example,dc=org"

# Cleartext passwords, especially for the rootdn, should
# be avoided. See slappasswd(8) and slapd.conf(5) for details.
# Use of strong authentication encouraged.
rootpw secret
```

- Start dich vu ldap:

```
[root@centos-1 setup]# service ldap start
Checking configuration files for slapd: config file testing succeeded

[ OK ]
Starting slapd: [ OK ]
[root@centos-1 setup]# service ldap status
slapd (pid 3188) is running...
```

- Soạn thảo file /etc/sample.ldif có nội dung như sau:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

```
dn: dc=example,dc=org
         objectclass: dcObject
         objectclass: organization
         o: Example inc.
         dc: example
         dn: cn=bogus,dc=example,dc=org
         objectclass: organizationalRole
         cn: bogus
         dn: cn=testuser,dc=example,dc=org
         objectclass: organizationalRole
         cn: testuser
- Dùng lênh ldapadd đê add nôi dung của file sample.ldif vào ldap server:
         [root@centos-1 setup]# ldapadd -x -D "cn=manager,dc=example,dc=org" -W -f /tmp/sample.ldif
         Enter LDAP Password:
         adding new entry "dc=example,dc=org"
         adding new entry "cn=bogus,dc=example,dc=org"
         adding new entry "cn=testuser,dc=example,dc=org"
- Dùng lệnh ldapsearch tiến hành tìm kiếm những dữ liệu vừa import:
       [root@centos-1 setup]# ldapsearch -x -b "dc=example,dc=org" "(objectclass=*)"
       # example.org
       dn: dc=example,dc=org
       objectClass: dcObject
       objectClass: organization
       o: Example inc.
       dc: example
       # bogus, example.org
       dn: cn=bogus,dc=example,dc=org
       objectClass: organizationalRole
       cn: bogus
       # testuser, example.org
       dn: cn=testuser,dc=example,dc=org
       objectClass: organizationalRole
       cn: testuser
       # search result
       search: 2
       result: 0 Success
       # numResponses: 4
       # numEntries: 3
```



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

```
[root@centos-1 setup]# ldapsearch -x -LLL "(objectclass=*)"
               dn: dc=example,dc=org
               objectClass: dcObject
               objectClass: organization
               o: Example inc.
               dc: example
               dn: cn=bogus,dc=example,dc=org
               objectClass: organizationalRole
               cn: bogus
               dn: cn=testuser,dc=example,dc=org
               objectClass: organizationalRole
               cn: testuser
       - Tìm kiệm entry, có "cn=bogus":
               [root@centos-1 setup]# ldapsearch -x -LLL -b "dc=example,dc=org" "(cn=bogus)
               dn: cn=bogus,dc=example,dc=org
               objectClass: organizationalRole
               cn: bogus
       - Xóa entry "cn=bogus,dc=example,dc=org":
               [root@centos-1 setup]# ldapdelete -x -W -D "cn=Manager,dc=example,dc=org" "cn=bogus,dc=example,dc
               Enter LDAP Password:
       - Kiếm tra lai:
               [root@centos-1 setup]# ldapsearch -x -LLL -b "dc=example,dc=org" "(cn=bogus)"
       <u>Chú ý:</u> Dùng lệnh man để xem thêm cú pháp của những lệnh ldapadd, ldapsearch...
II/ Cấu hình kiếm tra username/password bằng openIdap:
       - Các bước cấu hình để hệ thống kiểm tra user/pass bằng openIdap (thay vì bằng file /etc/passwd)
       - Sử dụng những script để migrate dữ liệu từ file /etc/passwd sang openIdap
       - Đầu tiên sử dụng script /usr/share/openldap/migration/migrate common.ph. Thay thế nội dung
         như sau:
              # Default DNS domain
              $DEFAULT MAIL DOMAIN = "example.org";
               # Default base
               $DEFAULT BASE = "dc=example,dc=org";
       - Tiếp theo chạy script migrate base.pl:
             [root@centos-1 migration]# ./migrate_base.pl > /tmp/base.ldif
            [root@centos-1 migration]# ldapadd -c -x -D "cn=Manager,dc=example,dc=org" -W -f /tmp/base.ldif
            Enter LDAP Password:
```

adding new entry "dc=example,dc=org" ldap add: Already exists (68)

adding new entry "ou=Hosts,dc=example,dc=org" adding new entry "ou=Rpc,dc=example,dc=org"

adding new entry "ou=Services,dc=example,dc=org"

adding new entry "nisMapName=netgroup.byuser,dc=example,dc=org"



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

```
- Export dữ liệu thành dạng file ldif, import vào ldap:
[root@centos-1 migration]# ./migrate_passwd.pl /etc/passwd > /tmp/ldap-users.ldif
[root@centos-1 migration]# ldapadd -c -x -D "cn=Manager,dc=example,dc=org" -W -f /tmp/ldap-users.
Enter LDAP Password:
adding new entry "uid=root,ou=People,dc=example,dc=org"
adding new entry "uid=bin,ou=People,dc=example,dc=org"
adding new entry "uid=daemon,ou=People,dc=example,dc=org"
adding new entry "uid=adm,ou=People,dc=example,dc=org"
adding new entry "uid=lp,ou=People,dc=example,dc=org"
adding new entry "uid=sync,ou=People,dc=example,dc=org"
- Kiêm tra lại thông tin user đã được import vào ldap:
[root@centos-1 ~]# ldapsearch -x -LLL -b "dc=example,dc=org" "(objectclass=*)" | more
dn: uid=root,ou=People,dc=example,dc=org
uid: root
cn: root
objectClass: account
objectClass: posixAccount
objectClass: top
objectClass: shadowAccount
userPassword:: e2NyeXB0fSQxJDBETThjNHhZJFdDUjIzQU4vQTNLbVRkc3RvbXozdTA=
shadowLastChange: 13897
shadowMax: 99999
shadowWarning: 7
loginShell: /bin/bash
uidNumber: 0
gidNumber: 0
```

Câu hình lại cách chứng thực:





2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>



